

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 19-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

1.1. Điều H1, sinh năm: 1998, tại Bình Phước.

Địa chỉ và nơi cư trú: Thôn PT, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá 01/12; Dân tộc: S'Tiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều B (đã chết) và bà Thị T (đã chết); Bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất, sinh năm: 1982, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13-12-2017 đến nay.

1.2. Điều H2, sinh năm: 1998, tại Bình Phước.

Địa chỉ và nơi cư trú: Thôn PT, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá 06/12; Dân tộc: S'Tiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều M, sinh năm: 1980 và bà Thị K, sinh năm: 1981; Bị cáo có 04 người em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm: 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13-12-2017 đến nay.

1.3. Điều N, sinh năm: 1998, tại Bình Phước.

Địa chỉ và nơi cư trú: Thôn PT, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá 0/12; Dân tộc: S'Tiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều C (đã chết) và bà Thị M, sinh năm: 1960; Bị cáo có 06 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm: 1986, nhỏ nhất sinh năm: 2000, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13-12-2017 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Bà Võ Thị D – (tên khác: V), sinh năm: 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn PT, xã PR, huyện PR, Bình Phước.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Điều M, sinh năm: 1980 (Có mặt)

2/ Ông Điều H2, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: Thôn PT, xã PR, huyện PR, Bình Phước.

3/ Bà Tạ Thị G, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Kp A, phường LT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

4/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TC, xã BM, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

***Người làm chứng:**

Ông Điều Ngọc K, sinh năm: 1994 (Có mặt)

Ông Lê Tiến H, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: Thôn PT, xã PR, huyện PR, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 20-12-2016, Điều H1, Điều H2 và Điều N đi đến quán của anh Lê Tiến H, sinh năm: 1971, trú tại Thôn PT, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước để uống rượu. Tại đây, H1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà Võ Thị D, sinh năm: 1950 trú tại thôn PT, xã PR bán lấy tiền tiêu xài nên H1 rủ N và H2 đi lấy trộm tài sản thì N và H2 đồng ý. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius, BKS: 93H2-3967, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 93P1-517.94 chở N cùng nhau đi đến nhà bà D. Khi đến nơi thì H2, N và H1 phát hiện nhà đóng cửa, không có người trông coi, H2 và H1 điều khiển xe mô tô đến vườn điều bên hông nhà bà D để ở đây rồi H1 và H2 quay lại nhà bà D. Lúc này, N nhặt 01 cục đá (loại đá xây dựng) ở gần đó đập 03-04 cái vào ổ khóa cửa nhưng không được, nên N đưa cục đá cho H2 đập 02 cái làm ổ khóa bung ra. Sau đó, cả ba đi vào trong nhà, N phát hiện trong phòng ngủ có 01 bao hạt điều nhân 30kg nên N kéo ra khỏi phòng rồi đưa cho H2 vác ra ngoài đường để lên gác бага xe mô tô, H1 lấy 01 máy khoan hiệu Makitta, 01 máy mài hiệu Maktec và 10 cái ruột xe mô tô hiệu Caosumina bỏ 01 bọc nylon màu trắng, còn Ninh lấy 01 bộ đồ nghề sửa xe mô tô (01 thanh sắt

bằng kim loại, màu trắng dạng chữ T; 01 cà lê số 13, chiều dài 16,6cm; 01 cà lê số 19, chiều dài 24cm; 01 cà lê số 17, chiều dài 27cm; 01 cà lê số 23, chiều dài 28cm; 01 cà lê số 16, chiều dài 20cm; 01 kìm chết bằng kim loại; 01 mỏ lết 12 dài 29,5cm; 01 chìa khóa hình T-8, T-10; 01 cà lê từ số 12, 14, 15, 18, 35 màu trắng; 16 đầu tít từ số 08 đến số 34; 01 cái búa; 02 cái kìm; 01 vít bake 05 ly; 01 vít bake 06 ly; 01 vít dẹp và 02 cây sắt cạy vỏ xe). Sau khi lấy được những tài sản trên thì H2 mang bao hạt điều về nhà của mình ở thôn PT, xã PR cất giấu, còn H1 và N mang 01 máy khoan, 01 máy mài, 10 cái ruột xe và bộ đồ nghề sửa xe mô tô về nhà của N ở thôn PT cất giấu. Đến ngày 22-12-2016, H2 điều khiển xe mô tô, BKS: 93H2-3967 chở H1 mang 01 máy khoan, 01 máy mài, 30kg hạt điều nhân và 10 cái ruột xe mô tô đi đến ngã ba thôn Bình Trung, xã Phước Tân, huyện Phú Riềng bán cho Điều Ni (không rõ nhân thân lai lịch) được số tiền 1.200.000 đồng. Sau đó, H2 chia cho H1 và N mỗi người số tiền 400.000đ, số tiền này cả ba tiêu xài cá nhân hết, còn bộ đồ nghề sửa xe mô tô thì N giữ lại để sử dụng.

Ngày 13-9-2017, bà D phát hiện N đang sử dụng bộ đồ nghề sửa xe mô tô của gia đình mình, nên đến Công an xã Phú Riềng trình báo sự việc.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe mô tô BKS: 93P1-751.94; 01 xe mô tô BKS: 93H2-3967; 01 thanh sắt bằng kim loại, màu trắng dạng chữ T; 01 cà lê số 13, chiều dài 16,6cm; 01 cà lê số 19, chiều dài 24cm; 01 cà lê số 17, chiều dài 27cm; 01 cà lê số 23, chiều dài 28cm; 01 cà lê số 16, chiều dài 20cm; 01 kìm chết bằng kim loại và 01 mỏ lết 12 dài 29,5cm.

Tại bản Kết luận định giá số: 97 ngày 19-9-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 20-12-2016, giá trị của 01 máy khoan nhãn hiệu Makita là 1.350.000 đồng; 01 máy mài nhãn hiệu Maktec là 637.500 đồng; 10 cái ruột xe là 320.000 đồng; 30kg hạt điều nhân là 6.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá số: 130 ngày 26-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 20-12-2016, giá trị của 01 thanh sắt bằng kim loại, màu trắng dạng chữ T; 01 cà lê số 13, chiều dài 16,6cm; 01 cà lê số 19, chiều dài 24cm; 01 cà lê số 17, chiều dài 27cm; 01 cà lê số 23, chiều dài 28cm; 01 cà lê số 16, chiều dài 20cm; 01 kìm chết bằng kim loại; 01 mỏ lết 12 dài 29,5cm; 01 thanh sắt bằng kim loại, màu trắng dạng chữ T; 01 cà lê số 13, chiều dài 16,6cm; 01 cà lê số 19, chiều dài 24cm; 01 cà lê số 17, chiều dài 27cm; 01 cà lê số 23, chiều dài 28cm; 01 cà lê số 16, chiều dài 20cm; 01 kìm chết bằng kim loại và 01 mỏ lết 12 dài 29,5cm; 01 chìa khóa hình T-8, T-10; 01 cà lê từ số 12, 14, 15, 18, 35 màu trắng; 16 đầu tít

từ số 08 đến số 34; 01 cái búa; 02 cái kìm; 01 vít bake 05 ly; 01 vít bake 06 ly; 01 vít dẹp và 02 cây sắt cạy vỏ xe có giá là 720.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.097.500 đồng (*Chín triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Tại bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3824, 3825, 3826 cùng ngày 20-11-2017 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Xác định tại thời điểm giám định (tháng 11/2017) Điều H1, Điều N và Điều H2 đều có độ tuổi từ 18 năm 06 tháng đến 19 năm 06 tháng.

Tại bản Cáo trạng số: 18/QĐ/KSĐT- KT ngày 09-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Điều H1, Điều H2 và Điều N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, các Điều 33, 45, 53, 69 và 74 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Điều H1 mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Điều H2, Điều N mỗi bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Ngoài ra, còn đề cập đến trách nhiệm dân sự, lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa các bị cáo Điều H1, Điều H2 và Điều N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như nội dung Bản cáo trạng số: 18/QĐ/KSĐT - KT ngày 09-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với các bị cáo.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội: Qua đối chiếu lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào ngày 20-12-2016, Điều H1, Điều N và Điều H2 lợi dụng bà Võ Thị D đi không có ở nhà nên thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy khoan, 01 máy mài, 10 cái ruột xe mô tô hiệu casumina, 30kg hạt điều nhân và 01 bộ đồ nghề sửa xe mô tô của bà Võ Thị D có tổng trị giá tài sản là 9.097.500 đồng (Chín triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Hành vi trên của các bị cáo thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo Điều H1, Điều H2 và Điều N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với thủ đoạn chung là lợi dụng sơ hở của người bị hại có chung mục đích lén lút chiếm đoạt tài sản.

Trong vụ án này, bị cáo Điều H1 là người khởi sự cho việc đi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo Điều H2 và Điều N sau khi được H1 khởi sự thì không biết can ngăn, mà còn đồng ý và hưởng ứng tích cực để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm tương ứng với hành vi, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân: Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật: Các bị cáo Điều H1, Điều H2 và Điều N sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho người bị hại; người bị hại đã có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại các điểm b,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Mặt khác, theo giấy khai sinh ngày 22-6-2007 thì Điều H1 sinh ngày 25 tháng 5 năm 1996; theo giấy khai sinh ngày 20-11-2001 Điều H2 sinh năm: 1998; theo giấy khai sinh ngày 07-6-2011 Điều N sinh ngày 15 tháng 8 năm

1998 nhưng tất cả đều khai sinh quá hạn, không xác định được ngày, tháng, năm sinh đúng của các bị cáo. Căn cứ các Quyết định giám định số 3824/C54B, 3825/C54B và 3826/C54B cùng ngày 20-11-2017 thì thời điểm giám định các bị cáo có độ tuổi từ 18 tuổi 06 tháng đến 19 tuổi 06 tháng. Như vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo thì tại thời điểm các bị cáo phạm tội ngày 20-12-2016 các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên cần áp dụng thêm các quy định về người chưa thành niên phạm tội cho các bị cáo là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Điều H2 là chưa thỏa đáng với tính chất và mức độ các bị cáo gây ra nên không được chấp nhận.

Đối với Điều Ni là người mua tài sản phạm tội mà có, qua xác minh chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Ni. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bà Võ Thị D đã nhận số tiền 13.000.000 đồng tiền bồi thường từ các bị cáo H1, H2 và N, bà D không có yêu cầu gì thêm; và trong vụ án này người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ai yêu cầu giải quyết về việc bồi thường, bồi hoàn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô, BKS: 93P1-751.94 là tài sản hợp pháp của Điều M, sinh năm 1980, trú tại thôn PT, xã PR, huyện PR (cha của Điều H2). Vào ngày 20-12-2016, H2 tự ý lấy xe đi chơi, sau đó H2 dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, ông M không biết. Do đó, ngày 27-12-2017, Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô này cho ông M là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 thanh sắt bằng kim loại, màu trắng dạng chữ T; 01 cà lê số 13, chiều dài 16,6cm; 01 cà lê số 19, chiều dài 24cm; 01 cà lê số 17, chiều dài 27cm; 01 cà lê số 23, chiều dài 28cm; 01 cà lê số 16, chiều dài 20cm; 01 kìm chết bằng kim loại và 01 mỏ lết 12 dài 29,5cm là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị D. Ngày 20-12-2017, Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại những tài sản này cho bà D, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô BKS: 93H2-3967 là tài sản của ông Điều H3, sinh năm: 1988, trú tại thôn BT, xã PT, huyện PR (anh của H2), quá trình điều tra, H3 khai nhận chiếc xe trên H3 mua của 01 người không rõ nhân thân, lai lịch. Khi mua xe thì 02 bên không làm giấy tờ mua bán, đồng thời xe không có giấy chứng nhận đăng ký. Qua xác minh thì xác định xe này mang biển kiểm soát 60X3-0329 là của anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977, trú tại ấp TC, xã BM, huyện

TB, tỉnh Đồng Nai bị mất trộm vào khoảng tháng 10-2010 tại huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Do đó, ngày 26-01-2018 Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng đã có văn bản chuyển đến Cơ quan Điều tra Công an huyện TB để điều tra, xử lý theo thẩm quyền, nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với biên kiểm soát 93H2-3967, qua xác minh xác định biên kiểm soát này là của xe mô tô hiệu Nouvo của chị Tạ Thị G, sinh năm: 1985, trú tại kp A, phường LT, thị xã PL đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, G khai nhận chiếc xe này G bán cho 01 người không rõ nhân thân lai lịch vào khoảng năm 2008, nên Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng đã thông báo truy tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay không có ai đến nhận. Xét thấy biên kiểm soát này không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: Điều H1, Điều H2 và Điều N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45; 53; 69 và 74 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về việc áp dụng mức hình phạt quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Điều H1 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13-12-2017.

Xử phạt bị cáo Điều H2 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13-12-2017.

Xử phạt bị cáo Điều N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13-12-2017.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 biên kiểm soát 93H2-3967.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Điều H1, Điều H2 và Điều N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Điều H1, Điều H2, Điều N, bà Võ Thị D, ông Điều M, ông Điều H3 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại, gồm: Bà Tạ Thị G và ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Dương